

HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TỈNH BẾN TRE

PHAN DIÊN VỸ*
PHAN THỊ LINH**
VÕ THỊ NGỌC HÀ***
VÀ CÁC CỘNG SỰ****

Chính sách và môi trường kinh doanh ảnh hưởng rất lớn đến sự đổi mới và phát triển của doanh nghiệp. Bến Tre được biết đến là một trong những tỉnh có điều kiện tự nhiên thuận lợi cùng các chính sách ưu đãi, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư trong thời gian gần đây. Tuy nhiên một số vấn đề như: tiếp cận vốn ngân hàng, thủ tục tài chính, thuế, đầu tư nước ngoài còn nhiều vướng mắc đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa, nhất là với các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo ở Bến Tre hiện nay. Bài viết phân tích làm rõ những vướng mắc này, trên cơ sở đó đề xuất giải pháp nhằm hoàn thiện chính sách phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh phù hợp với các nguồn lực hiện nay.

Từ khóa: doanh nghiệp nhỏ và vừa, chính sách, Bến Tre

Nhận bài ngày: 31/12/2019; *đưa vào biên tập:* 15/3/2020; *phản biện:* 24/6/2020; *duyet đăng:* 29/6/2020

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Bến Tre là tỉnh thuộc khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, có vị trí địa kinh tế quan trọng và nhiều điều kiện, cơ hội thuận lợi để phát triển toàn diện các ngành, lĩnh vực. Với vị trí cuối nguồn sông Mekong, tiếp giáp Biển Đông, Bến Tre được phù sa của bốn trong chín nhánh sông Cửu Long bồi đắp và hình thành ba vùng sinh thái tự nhiên: ngọt, lợ, mặn. Vùng ngọt và lợ là vùng trọng điểm trong phát triển kinh tế vườn, với nhiều chủng loại cây trồng nổi tiếng trong khu vực như

dừa, cây ăn trái, cây giống và hoa kiểng các loại... luôn xanh tốt quanh năm, tạo thành một hệ sinh thái sông nước miệt vườn, giúp cho Bến Tre không chỉ có nền sản xuất nông nghiệp đơn thuần mà còn có những tiềm năng, thế mạnh rất lớn về phát triển du lịch, nhất là du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, kết hợp với tham quan những địa danh lịch sử, văn hóa mang đậm dấu ấn của địa phương. Bên cạnh đó, hệ sinh thái mặn với đa dạng các chủng loài thủy, hải sản là điều kiện rất thuận lợi trong phát triển kinh tế biển theo hướng toàn diện từ nuôi trồng, đánh bắt đến hoạt động dịch vụ hậu cần nghề cá... kết hợp với phát triển du lịch biển. Các lợi thế

* **, *** **** Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh.

này khá phù hợp với hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh theo mô hình nhỏ và vừa của người dân nơi đây.

Thời gian qua, tỉnh Bến Tre triển khai thực hiện nhất quán các chính sách hỗ trợ của Trung ương và ban hành nhiều chính sách khuyến khích đầu tư theo thẩm quyền của tỉnh, như: chính sách khuyến khích doanh nghiệp khởi nghiệp; chính sách khuyến khích đầu tư hạ tầng khu/cụm công nghiệp; chính sách khuyến khích xây dựng chợ; chính sách khuyến khích đầu tư vào lĩnh vực xã hội hóa... Bên cạnh đó, Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐND của Hội đồng Nhân dân tỉnh ban hành đã có tác động tích cực đối với việc phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Bến Tre. Tuy nhiên còn một số rào cản trong tiếp cận vốn ngân hàng, thủ tục tài chính, thuế, đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa, nhất là với các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo ở Bến Tre hiện nay.

Dựa trên nguồn số liệu và báo cáo của địa phương giai đoạn 2015-2019, chúng tôi phân tích làm rõ một số rào cản trong thực thi chính sách đối với

doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Bến Tre, từ đó đưa ra khuyến nghị nhằm hoàn thiện chính sách phát triển loại hình doanh nghiệp này của tỉnh.

2. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TỈNH BẾN TRE

2.1. Số liệu doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Bến Tre giai đoạn 2015-2019

Số liệu ở Bảng 1 cho thấy, từ năm 2015 đến 2019 số doanh nghiệp thành lập mới có xu hướng tăng. Năm 2015 có 216 doanh nghiệp thành lập mới, đến năm 2018 có 500 doanh nghiệp thành lập mới. Tuy nhiên, tính đến cuối năm 2019, số doanh nghiệp thành lập mới là 419 doanh nghiệp, có xu hướng giảm so với năm 2018. Song song với số doanh nghiệp thành lập mới, thì số doanh nghiệp làm thủ tục giải thể cũng tăng lên trong giai đoạn 2015-2018. Đặc biệt năm 2018 số doanh nghiệp giải thể là 307 doanh nghiệp. Số liệu trên cho thấy, doanh nghiệp thành lập mới cao, số doanh nghiệp làm thủ tục giải thể cũng cao, nhất là trong năm 2018. Doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh trong giai đoạn 2015-2019 có xu

Bảng 1. Tình hình doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Bến Tre giai đoạn 2015-2019

Đơn vị: Doanh nghiệp

Năm	2015	2016	2017	2018	2019
Doanh nghiệp thành lập mới	216	286	370	500	419
Doanh nghiệp lũy kế	-	-	-	-	4530
Đơn vị trực thuộc thành lập mới	-	-	-	484	272
Doanh nghiệp làm thủ tục giải thể	67	59	99	307	180
Thu hồi giấy đăng ký kinh doanh	37	92	50	-	-
Tạm ngừng kinh doanh	46	45	70	-	170

Nguồn: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre.

Bảng 2. Hộ kinh doanh thành lập mới theo từng địa phương

TT	Địa phương	Hộ kinh doanh thành lập mới			
		Kế hoạch CTr-10*	ƯTH đến thời điểm báo cáo	ƯTH so KH CTr-10 (%)	Chỉ tiêu TH đến cuối năm 2020
1	Giồng Trôm	2.640	2.098	79,47	542
2	Bình Đại	2.390	1.727	72,26	663
3	Ba Tri	2.590	2.022	78,07	568
4	Chợ Lách	2.240	1.219	54,42	1.021
5	Thạnh Phú	2.395	1.539	64,26	856
6	Châu Thành	3.190	2.604	81,63	586
7	Mỏ Cày Nam	2.510	1.851	73,75	659
8	Mỏ Cày Bắc	2.340	1.620	69,23	720
9	Thành phố Bến Tre	4.705	4.081	86,74	624
TỔNG CỘNG		25.000	18.761	75,04	6.239

* Thực hiện Chương trình 10-CTr/TU ngày 28/4/2016 của tỉnh ủy Bến Tre về Đồng Khởi khởi nghiệp và phát triển doanh nghiệp, mục tiêu đặt ra đến năm 2020, Bến Tre thành lập mới 25.000 hộ kinh doanh cá thể.

UTH: ước thực hiện; TH: thực hiện; KH: kế hoạch.

Nguồn: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre.

hướng tăng lên, năm 2019 là 170 doanh nghiệp.

Bảng 2 cho thấy, hộ kinh doanh thành lập mới theo từng địa phương của tỉnh Bến Tre có xu hướng biến động khá nhiều, tỷ lệ biến động từ 54,42% đến 86,74%. Theo kế hoạch, tại các địa phương có hộ kinh doanh thành lập mới là từ 2.240 đến 4.705 hộ kinh doanh, nhưng kế hoạch thực hiện tính đến 31/12/2019 không đạt được 100%. Huyện Chợ Lách có tỷ lệ đạt được thấp nhất là 54,42% và cao nhất là thành phố Bến Tre có tỷ lệ 86,74%.

Tỉnh Bến Tre đưa ra chỉ tiêu thực hiện đến cuối năm 2020 là 6.239 hộ kinh doanh thành lập mới. Tuy nhiên, để

đạt được chỉ tiêu này, tỉnh Bến Tre cần có nhiều chính sách thích hợp và đi vào thực tiễn để khuyến khích thành lập hộ kinh doanh mới.

Trong giai đoạn 2015-2019, doanh nghiệp thành lập mới có xu hướng tăng lên và gần với kế hoạch đặt ra, tỷ lệ thực hiện đạt được từ 74,05% đến 92,78%. Thành phố Bến Tre có tỷ lệ thực hiện so với kế hoạch cao nhất là 92,78%, tiếp đến là huyện Châu Thành đạt tỷ lệ thực hiện so với kế hoạch là 85%. Bảng số liệu trên thể hiện số hộ kinh doanh chuyển lên doanh nghiệp chiếm tỷ lệ khá cao, có tổng cộng 341 hộ kinh doanh chuyển lên doanh nghiệp trong thời gian qua.

Bảng 3. Doanh nghiệp thành lập mới theo từng địa phương

TT	Địa phương	Doanh nghiệp thành lập mới							Chỉ tiêu TH đến cuối năm 2020
		Kế hoạch CTr- 10*	Tổng hợp đến thời điểm báo cáo					ƯTH so KH CTr- 10 (%)	
			Tổng cộng	HKD chuyển lên DN	DN KHCN	DNKN	DN khác		
1	Giồng Trôm	190	145	32	-	30	83	76,32	45
2	Bình Đại	215	171	34	-	22	115	79,53	44
3	Ba Tri	187	143	30	-	20	93	76,47	44
4	Chợ Lách	159	114	42	1	31	40	71,70	45
5	Thạnh Phú	158	117	17	-	17	83	74,05	41
6	Châu Thành	360	306	32	1	48	225	85,00	54
7	Mỏ Cày Nam	191	148	32	2	29	85	77,49	43
8	Mỏ Cày Bắc	168	122	31	-	20	71	72,62	46
9	Thành phố Bến Tre	872	809	91	3	135	580	92,78	63
TỔNG CỘNG		2.500	2.075	341	7	352	1.375	83,00	425

* Thực hiện Chương trình 10-CTr/TU ngày 28/4/2016 của tỉnh ủy Bến Tre về Đồng Khởi khởi nghiệp và phát triển doanh nghiệp, mục tiêu đặt ra đến năm 2020, Bến Tre phát triển mới 2.500 doanh nghiệp (trong đó có ít nhất 500 doanh nghiệp khởi nghiệp trên địa bàn tỉnh).

HKD: hộ kinh doanh; DNKHCN: doanh nghiệp khoa học công nghệ; DNKN: doanh nghiệp khởi nghiệp; TH: thực hiện.

Nguồn: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre.

2.2. Một số chỉ tiêu chủ yếu của doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Bến Tre

Bảng 4. Một số chỉ tiêu chủ yếu của doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Bến Tre

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch CTr-10	Thực hiện năm 2016	Thực hiện năm 2017	Thực hiện năm 2018	Thực hiện năm 2019
1	Phát triển doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc					
a	Doanh nghiệp thành lập mới	2.500	340	540	551	514
	Vốn đăng ký (tỷ đồng)		1.880	4.092	4.794	5.247
	Vốn đăng ký bình quân (tỷ đồng/doanh nghiệp)		5,53	7,58	8,70	10,21
	Trong đó:					
	- Doanh nghiệp khởi nghiệp	500	38	96	70	122
	- Hộ chuyển đổi lên doanh nghiệp	650	28	133	91	78
	- Doanh nghiệp khoa học công nghệ	20	-	2	3	1

b	Đơn vị trực thuộc thành lập mới		259	368	566	280
2	Hợp tác xã		8	29	52	15
3	Tổ hợp tác		225	227	153	92
4	Hộ kinh doanh cá thể	25.000	4.481	4.747	4.750	3.781
5	Hỗ trợ ý tưởng/dự án					
	- Số dự án khởi nghiệp đề xuất hỗ trợ		20	126	646	515
	- Số dự án chọn hỗ trợ		58	70	217	295
	- Số dự án phát triển thành doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác		3	12	155	220
6	Vốn hỗ trợ khởi nghiệp					
	- Tổng số dự án		204	207	748	583
	- Tổng số vốn hỗ trợ (tỷ đồng)		673	759	1.332	1.974
7	Tạo việc làm cho người lao động					
	- Số người lao động trong tỉnh		18.493	19.220	16.926	7.646
	- Số người đi làm việc nước ngoài		285	829	1.008	1.839
8	Đào tạo, nâng cao năng lực					
	Tổng số lớp/đợt đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng		214	220	222	340
	Tổng số học viên tham dự		10.807	12.506	12.308	25.581
	<i>Trong đó:</i>					
	- Số lớp đào tạo cho doanh nghiệp + cán bộ		32	56	80	39
	- Tổng số học viên tham dự		900	1.356	2.803	1.156
9	Diễn đàn, sự kiện khởi nghiệp		8	9	20	18
10	Tin, bài truyền thông		355	1.024	3.378	1.272

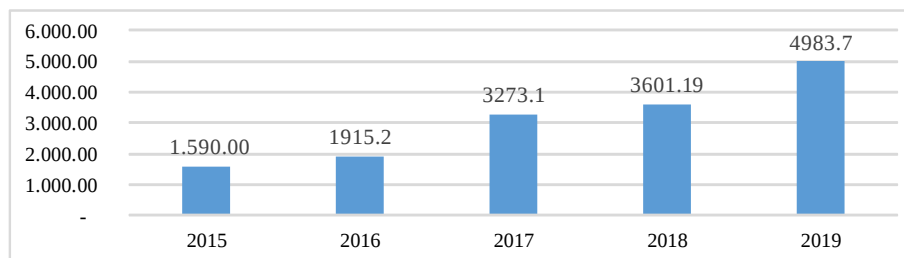
Nguồn: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre.

Bảng 4 cho thấy, trong giai đoạn 2015-2019, số doanh nghiệp thành lập mới có xu hướng tăng, vốn đăng ký và vốn đăng ký bình quân doanh nghiệp cũng tăng lên, trong đó doanh nghiệp khởi nghiệp có vốn đăng ký kinh doanh tăng cao hơn so với hộ chuyển đổi lên doanh nghiệp và doanh nghiệp khoa học công nghệ. Để nâng cao năng lực làm việc của lãnh đạo và người lao động, tỉnh Bến Tre đã tổ chức các lớp đào tạo, nâng cao năng lực cho doanh

nh nghiệp và cán bộ, số lượng học viên tham dự tăng từ 900 người trong năm 2016 lên 1.156 người trong năm 2019. Bên cạnh đó, tỉnh Bến Tre đã thúc đẩy các hoạt động truyền thông, đăng tin, bài nhằm quảng bá các hoạt động của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Giai đoạn 2015-2019, với số lượng tăng lên thì đóng góp vào ngân sách nhà nước tỉnh Bến Tre của doanh nghiệp nhỏ và vừa không ngừng tăng lên.

Biểu đồ 1. Đóng góp của doanh nghiệp vào ngân sách nhà nước tỉnh Bến Tre (tỷ đồng)



Nguồn: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre.

Nhiều doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Bến Tre đã xác định được nhu cầu về nguồn nhân lực, tuy nhiên chỉ trong ngắn hạn hoặc thậm chí chỉ căn cứ vào thời điểm hiện tại để đưa ra quyết định. Đa số các doanh nghiệp nhỏ và vừa hiện nay không có chiến lược đào tạo và phát triển nhân lực gắn liền với tầm nhìn và mục tiêu cụ thể của doanh nghiệp. Cùng với đó, các doanh nghiệp nhỏ và vừa đã làm quen với việc xây dựng chương trình phân tích công việc. Tuy nhiên, việc phân tích công việc chưa thường xuyên. Nhìn chung doanh nghiệp nhỏ và vừa của tỉnh đã đạt được những kết quả nhất định trong tổ chức sản xuất kinh doanh theo hướng chuyên nghiệp hơn, hiệu quả đóng góp cho ngân sách nhà nước ngày càng cao nhưng chưa phát huy hết tiềm năng của doanh nghiệp.

3. CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP TỈNH BẾN TRE

Với chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn theo Nghị định 210/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 19/12/2013, thời

gian qua Bến Tre đã đặc biệt quan tâm phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa nhằm khai thác lợi thế phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân khác nhau, chính sách và môi trường kinh doanh của Bến Tre còn nhiều vướng mắc đối với loại hình doanh nghiệp này trong tiếp cận vốn, thu hút đầu tư nước ngoài, chính sách thuế...

Nghị định số 57/2018/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn được ban hành và có hiệu lực thi hành từ ngày 17/4/2018 đã thay thế Nghị định 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013. Nghị định gồm 5 chương, 20 điều, áp dụng cho doanh nghiệp được thành lập, đăng ký, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và có dự án đầu tư quy định tại Khoản 3, 4, 5 Điều 3; và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện chính sách ưu đãi và hỗ trợ theo quy định. Nhằm thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định của Chính phủ, Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân tỉnh Bến Tre đã ban hành các văn bản quy định

hỗ trợ cho doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực này, gồm:

(i) Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 03/7/2019 của Hội đồng Nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 07/2016/NQ-HĐND ngày 03/8/2016 của Hội đồng Nhân dân tỉnh về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn trên địa bàn tỉnh. Cụ thể:

- Sửa đổi nội dung định mức chi đối với đào tạo nghề trong nước: “Tăng mức phí hỗ trợ đào tạo một lần cho lao động của mỗi doanh nghiệp từ 200.000 đồng/lao động/năm lên 400.000 đồng/lao động/năm”.

- Sửa đổi, bổ sung Khoản 8 Điều 3 Nghị quyết 07/2016/NQ-HĐND: “Ngoài các chính sách ưu đãi và hỗ trợ của tỉnh quy định tại Nghị quyết này, doanh nghiệp còn được hưởng các chính sách hỗ trợ khác theo quy định pháp luật hiện hành”.

- Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 4 Nghị quyết 07/2016/NQ-HĐND: “Nguồn vốn, cơ chế, nguyên tắc hỗ trợ doanh nghiệp có dự án đầu tư đáp ứng các điều kiện ưu đãi, hỗ trợ theo quy định của các chính sách hiện hành khác”.

(ii) Nghị quyết 08/2019/NQ-HĐND ngày 03/7/2019 về quy định chính sách cấp bù lãi suất hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn trên địa bàn tỉnh. Cụ thể: mức lãi suất cho vay của các ngân hàng thương mại làm cơ sở để ngân sách nhà nước cấp bù chênh lệch lãi suất là mức lãi suất cho vay của các ngân

hàng thương mại. Mức lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước làm căn cứ bù chênh lệch lãi suất là mức lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước công bố áp dụng cho từng thời kỳ theo quy định của Chính phủ về tín dụng đầu tư của Nhà nước. Thời gian hỗ trợ lãi suất tính từ ngày bắt đầu giải ngân theo hợp đồng tín dụng với ngân hàng thương mại tối đa 8 năm đối với dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư; tối đa 6 năm đối với dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư; tối đa 5 năm đối với dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư. Trường hợp dự án của doanh nghiệp nông nghiệp vừa và nhỏ mới thành lập thì thời gian hỗ trợ lãi suất là 8 năm. Dự án mà doanh nghiệp tham gia liên kết chuỗi giá trị thì được áp dụng hỗ trợ lãi suất theo chu kỳ sản xuất của sản phẩm. Hạn mức vay vốn được hỗ trợ lãi suất tối đa không quá 70% tổng mức đầu tư của dự án. Phương thức hỗ trợ: ngân sách tỉnh cấp trực tiếp cho doanh nghiệp chênh lệch lãi suất vay mà doanh nghiệp được hỗ trợ và được thực hiện theo hồ sơ thanh toán thực tế giữa doanh nghiệp với ngân hàng thương mại trên cơ sở hợp đồng đã ký, không thực hiện cấp bù chênh lệch lãi suất đối với các khoản vay (gốc và lãi) quá hạn tính từ thời điểm quá hạn.

(iii) Quyết định số 44/2019/QĐ-UBND ngày 05/11/2019 của Ủy ban Nhân dân tỉnh về ban hành định mức hỗ trợ đối với từng loại hạng mục, công trình khuyến khích doanh nghiệp đầu tư

vào nông nghiệp, nông thôn. Nguyên tắc hỗ trợ: trong cùng một thời gian, nếu dự án đầu tư được hưởng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư có các mức ưu đãi, hỗ trợ đầu tư khác nhau thì doanh nghiệp được lựa chọn áp dụng mức hỗ trợ có lợi nhất. Doanh nghiệp tự bỏ vốn, huy động vốn để thực hiện dự án đầu tư vào ngành, nghề ưu đãi đầu tư trong nông nghiệp, nông thôn. Nhà nước hỗ trợ sau đầu tư theo định mức hỗ trợ đối với từng loại hạng mục, công trình theo quy định. Điều kiện hỗ trợ: theo quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP và các văn bản có liên quan. Định mức hỗ trợ: thực hiện theo quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 44/2019/QĐ-UBND, định mức chi hỗ trợ cụ thể cho các nội dung: Hệ thống điện; Hệ thống đường giao thông; Xây dựng nhà xưởng, nhà ở công nhân; Hệ thống cung cấp nước sạch; Hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt; Thiết bị chính phục vụ cho sản xuất. Trường hợp doanh nghiệp đầu tư hạng mục, công trình có giá trị thấp hơn so với định mức hỗ trợ theo quyết định này thì hỗ trợ theo thực tế. Về mức hỗ trợ tối đa cho một dự án được thực hiện theo quy định tại Điều 9, Điều 11 và Điều 13 của Nghị định số 57/2018/NĐ-CP.

Từ khi Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐND của Hội đồng Nhân dân tỉnh ban hành đến nay, toàn tỉnh Bến Tre đã thực hiện nhiều hoạt động nhằm khuyến khích, hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp khởi nghiệp, đạt một số kết

quả quan trọng. Cụ thể: Tỉnh đã tư vấn, hướng dẫn và hỗ trợ 386 lượt dự án/doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp vừa và nhỏ về tiếp cận vốn, hồ sơ, thủ tục, định hướng hoàn thiện dự án khởi nghiệp trước khi đưa sản phẩm ra thị trường. Tỉnh đã tiếp nhận và hỗ trợ chi phí thành lập cho 109 doanh nghiệp chuyển từ hộ kinh doanh, với tổng kinh phí hỗ trợ là 381,5 triệu đồng; hỗ trợ 350 doanh nghiệp (chuyển đổi từ hộ kinh doanh) sử dụng các dịch vụ kê khai, báo cáo và quyết toán thuế với chi phí thấp; giới thiệu 17 dự án khởi nghiệp về Quỹ Đầu tư khởi nghiệp tỉnh Bến Tre để xem xét, hỗ trợ; trong đó đã hỗ trợ 7 dự án với kinh phí 1,6 tỷ đồng; giới thiệu 81 dự án qua Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Bến Tre 81 dự án, có 7 dự án đã được các ngân hàng thương mại thẩm định cho vay vốn 2,35 tỷ đồng từ nguồn tín dụng Chương trình Đồng Khởi khởi nghiệp và phát triển doanh nghiệp; tổ chức 159 lớp đào tạo miễn phí cho doanh nghiệp, chủ yếu tập trung vào kiến thức cơ bản về khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp sáng tạo, kỹ năng cơ bản về quản lý doanh nghiệp... Qua 2 năm triển khai Nghị quyết 04, toàn tỉnh đã phát triển mới 1.286 doanh nghiệp; hỗ trợ 1.554 dự án/doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp nhỏ và vừa với tổng kinh phí khoảng 1.761 tỷ đồng (Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre).

4. NHỮNG THÁCH THỨC ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ TỈNH BẾN TRE

Về cơ chế chính sách của tỉnh

Nghị quyết 04 đã có tác động tích cực đối với việc phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa của tỉnh. Tuy nhiên việc tạo điều kiện để doanh nghiệp và hộ kinh doanh nắm bắt và hiểu được các điều kiện áp dụng cần sự tuyên truyền sâu rộng và hướng dẫn triển khai. Một số hạn chế trong triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển doanh nghiệp như: thông tin chưa đầy đủ, hướng dẫn thiếu cặn kẽ, chưa kịp thời về các chính sách hỗ trợ; thủ tục thực hiện hỗ trợ rườm rà, lúng túng dẫn đến khó khăn đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa khi hưởng thụ chính sách hỗ trợ của tỉnh.

Bên cạnh đó, đối với các doanh nghiệp khởi nghiệp, việc hỗ trợ của tỉnh chỉ nhằm hỗ trợ ban đầu cho việc nghiên cứu ý tưởng; đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa khác thì chỉ hỗ trợ phát triển thị trường đầu ra sản phẩm. Như vậy, việc chủ động nắm bắt thị trường để sản phẩm làm ra có chỗ đứng và nhạy bén, tổ chức tốt hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc về doanh nghiệp.

Chính sách và môi trường kinh doanh ảnh hưởng rất lớn tới sự đổi mới và phát triển của doanh nghiệp. Có nhiều vấn đề vướng mắc đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa, nhất là với các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo. Đó là các quy định về thuế, hải quan, thủ tục liên quan đến đầu tư nước ngoài và đặc biệt, thủ tục tài chính để doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận vốn còn nhiều rào cản.

Phần lớn các doanh nghiệp trong tỉnh ở quy mô nhỏ, năng lực sản xuất và cạnh tranh trên thị trường hạn chế; trong khi đó, mức độ năng động của khu vực doanh nghiệp phụ thuộc vào chất lượng môi trường pháp quy. Nếu có các quy định hướng dẫn thực hiện hiệu quả, giúp doanh nghiệp tiết kiệm chi phí và tham gia cạnh tranh trên thị trường một cách công bằng, góp phần cắt giảm chi phí giao dịch, bảo vệ nhà đầu tư thì chắc chắn sẽ góp phần đáng kể vào tiềm năng tăng trưởng kinh tế tỉnh.

Để giải quyết được vấn đề này, cần tiếp tục đổi mới đồng bộ trong cả bộ máy hành chính của tỉnh, đặc biệt các khâu giải quyết các thủ tục hành chính và tài chính liên quan đến doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Về năng lực doanh nghiệp nhỏ và vừa

Hiện nay, các doanh nghiệp nhỏ và vừa còn hạn chế về nhiều mặt, trước hết là năng lực cạnh tranh. Sản phẩm, hàng hóa của tỉnh đã được tiêu thụ trong nước và xuất được ra khoảng 105 thị trường trên thế giới nhưng nhìn chung sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa chưa cao; chưa có nhiều thương hiệu thật sự là thương hiệu chính của doanh nghiệp Bến Tre và có thể cạnh tranh ngang bằng với một số doanh nghiệp trong khu vực trên cùng lĩnh vực (Nguyễn Trúc Sơn, 2016).

Là tỉnh có những lợi thế về cây ăn trái, nuôi trồng chế biến thủy sản và du lịch dịch vụ phù hợp với mô hình kinh tế hộ gia đình, doanh nghiệp nhỏ và vừa,

tuy nhiên chưa có sự liên kết chặt chẽ trong hoạt động sản xuất, hình thành chuỗi giá trị theo từng lĩnh vực, ngành nghề để tăng giá trị sản phẩm và phát huy những lợi thế của tỉnh.

Về chính sách hỗ trợ nhằm phát triển doanh nghiệp của tỉnh, các doanh nghiệp nhỏ và vừa và hộ kinh doanh chưa kịp thời nắm bắt và đáp ứng các điều kiện cần có để được thụ hưởng. Các doanh nghiệp nhỏ và vừa chưa thành lập quỹ phát triển doanh nghiệp để quan tâm đến đào tạo, bồi dưỡng thêm cho các nhà quản lý doanh nghiệp về trình độ, kỹ năng trong sản xuất kinh doanh, đáp ứng các yêu cầu của thị trường. Bản thân doanh nghiệp nhỏ và vừa cũng chưa thực sự chú trọng đến việc xây dựng nguồn nhân lực có chất lượng đáp ứng yêu cầu cạnh tranh ngày càng gay gắt trong sản xuất và kinh doanh.

Về tác động từ biến đổi khí hậu

Bên cạnh đó, một khó khăn chung trong đó có doanh nghiệp nhỏ và vừa, Bến Tre chịu tác động nặng nề của biến đổi khí hậu và ngập mặn trong thời gian gần đây. Điều này đã ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp và doanh nghiệp nhỏ và vừa. Đặc biệt đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa hầu như chỉ có những giải pháp khắc phục mang tính ngắn hạn, tạm thời. Đây là khó khăn lớn cần chiến lược dài hạn của tỉnh cho sự ổn định và phát triển sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nhỏ và vừa hiện nay.

5. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ TỈNH BẾN TRE

Xác định doanh nghiệp giữ vị trí trọng yếu trong phát triển kinh tế tỉnh nhà, Bến Tre đã đi tiên phong trong thực hiện khởi nghiệp, với điểm nhấn là xây dựng và triển khai thực hiện Chương trình Đồng Khởi khởi nghiệp và phát triển doanh nghiệp, trong đó tập trung thực hiện các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp về xúc tiến thương mại, đổi mới khoa học công nghệ, tín dụng ưu đãi, đào tạo lao động... và tổ chức triển khai thực hiện kịp thời, hiệu quả các cơ chế, chính sách của Trung ương về hỗ trợ doanh nghiệp, đảm bảo các quy định, chính sách của Trung ương và của tỉnh được thực hiện kịp thời và đồng bộ.

Đề tập trung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tăng về quy mô và gia tăng tỷ trọng doanh nghiệp lớn; hình thành các cụm liên kết ngành, phát triển các doanh nghiệp chế biến, cung ứng gắn với chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh; từng bước xây dựng các doanh nghiệp dẫn đầu có tiềm lực về tài chính, công nghệ và trình độ quản lý hiện đại. Để thực hiện đạt các mục tiêu đó, Bến Tre cần tập trung thực hiện nhóm giải pháp như :

(i) Tháo gỡ rào cản về cơ chế chính sách

Cung cấp thông tin cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; tư vấn, hoàn thiện hồ sơ thành lập doanh nghiệp; công bố thông tin doanh nghiệp; hỗ trợ mặt bằng sản xuất kinh doanh, đổi mới công nghệ,

phát triển nguồn nhân lực; xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường... Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo về cơ sở vật chất kỹ thuật, không gian làm việc chung; ươm tạo khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; tư vấn về sở hữu trí tuệ, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ. Thực hiện thủ tục về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng; thử nghiệm, hoàn thiện sản phẩm mới, mô hình kinh doanh mới; ứng dụng, chuyển giao công nghệ; thương mại hóa.

Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị, như: hỗ trợ đào tạo nâng cao năng lực; liên kết sản xuất, kinh doanh; phát triển thương hiệu; tư vấn tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng; thực hiện các thủ tục về sản xuất thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận chất lượng...

Thực hiện các thủ tục về thuế, hải quan, tiếp cận vốn thông thoáng, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

(ii) Doanh nghiệp nhỏ và vừa năng động, chủ động trong sản xuất kinh doanh, tập trung liên kết và xây dựng thương hiệu mạnh

Trên cơ sở chủ trương chính sách của tỉnh, các doanh nghiệp nhỏ và vừa chủ động xây dựng phương án

sản xuất kinh doanh, đáp ứng các điều kiện theo quy định để tranh thủ nguồn hỗ trợ của tỉnh cho phát triển doanh nghiệp; có giải pháp nâng cao nhân lực doanh nghiệp; đầu tư và thực hiện liên kết chuỗi giá trị để nâng cao hiệu quả sản phẩm, tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh. Sức cạnh tranh trong từng lĩnh vực và trên thị trường ngày càng gay gắt, đòi hỏi các doanh nhân, lãnh đạo doanh nghiệp nhạy bén, năng động, sáng tạo, nỗ lực, phấn đấu để doanh nghiệp đứng vững và phát triển trên thị trường trong nước và quốc gia.

(iii) Về thích ứng với biến đổi khí hậu, khắc phục tác động tiêu cực của thiên tai và tình trạng ngập mặn

Tỉnh cần có giải pháp sử dụng nước ngọt hiệu quả, tránh khai thác, hạ thấp mực nước ngầm. Dùng nước ngọt chống xâm nhập mặn, đặc biệt về mùa khô khi nước sông hạ thấp, gió chướng đẩy nước mặn xâm lấn vào các vùng ven biển.

Thực hiện đồng bộ các nhóm giải pháp, tháo gỡ những rào cản về cơ chế chính sách, tăng cường năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp cùng các giải pháp khắc phục hạn chế tác động từ biến đổi khí hậu và ngập mặn sẽ phát huy được lợi thế, thúc đẩy kinh tế tỉnh Bến Tre tăng trưởng cao. □

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Chính phủ. 2016. *Nghị quyết số 35/NQ-CP* ngày 16/5/2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020. <http://www.bentre.dcs.vn>, truy cập ngày 2/6/2019.

2. Hội đồng Nhân dân tỉnh Bến Tre 2017. *Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐND* về ban hành chính sách khuyến khích doanh nghiệp khởi nghiệp trên địa bàn tỉnh Bến Tre. <http://hdnd.bentre.gov.vn>, truy cập ngày 2/6/2019.
3. Hội đồng Nhân dân Tỉnh Bến Tre, 2019. *Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND*. Quy định chính sách cấp bù lãi suất hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Bến Tre, <http://hdnd.bentre.gov.vn>, truy cập ngày 2/7/2019.
4. Nguyễn Trúc Sơn. 2016. “Phát triển doanh nghiệp nhằm tạo việc làm và nâng cao mức sống của người dân tỉnh Bến Tre”. <http://www.skhdt.bentre.gov.vn>, truy cập ngày 25/6/2020.
5. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre. <http://www.skhdt.bentre.gov.vn>, truy cập ngày 2/7/2020.